

TƯỜNG NIỆM TẢN ĐÀ

1888-2009)
Nguyễn Quý Đại

Tiểu sử



Tản Đà tên thật là Nguyễn Khắc Hiếu sinh ngày 8 tháng 5 năm 1888 (năm Mậu Tý), và mất ngày 7 tháng 6 năm 1939 (năm Kỷ Mão), tại nhà thuê số 71 đường Cầu Mới, ngày nay 47 Nguyễn Trãi Hà Nội, hưởng thọ 51 tuổi¹. Quê ông làng Khê Thượng, huyện Bất Bạt, Sơn Tây cũ nay là huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây. Thân phụ Tản Đà là ông Nguyễn Danh Kế thi đỗ cử nhân, làm quan cho triều Nguyễn đến chức Ngự sử trong Kinh, giữ việc án lý, nổi tiếng là người có tài văn án trong triều. Ông Kế vốn là người phong lưu thích thơ nhạc, thường lui tới chốn bình kang và quen với bà Lưu Thị Hiền (Nhữ Thị Nghiêm) là một đào hát tài sắc ở Hàng Thao. Ông Nguyễn Danh Kế cưới bà làm vợ thứ khi ông làm tri phủ Xuân Trường. Bà là người hát hay, có tài làm thơ Nôm. Tản Đà là con trai út trong bốn người con của đời sau. Tản Đà lên 3 tuổi thì thân phụ từ trần, đời sống gia đình khó khăn, thêm sự bất hoà với gia đình chồng, bà Nghiêm bỏ nhà trở lại nghề xưa. Tản Đà cùng anh Nguyễn Mạn và 2 chị phải về ở với anh cùng cha khác mẹ là ông Nguyễn Tài Tích (sinh năm 1864 nổi nghiệp cha thi đỗ Phó bảng) và Nguyễn Cồn. Tản Đà sống theo anh đi các nơi vì ông Tích được bổ nhiệm làm Đốc học các tỉnh miền Bắc

Thời thơ ấu Tản Đà hấp thụ nền Nho giáo, 5 tuổi ông học Tam tự Kinh Ấu học ngũ ngôn thi, Dương tiết,... 6 tuổi học Luận Ngữ, kinh, truyện và chữ Quốc Ngữ, 10 tuổi biết làm câu đối, 11 tuổi làm thơ văn. Ông rất thích thơ văn, được người anh hết lòng chỉ dẫn nên 14 tuổi đã thạo các lối văn chương, thi, phú. Lúc còn học ở trường Quy thức là trường học thực nghiệm cải cách của Pháp ở Hà Nội, ông viết bài "Âu Á nhị châu hiện thế" được các báo ở Hong Kong đăng trong mục xã thuyết. Năm 15 tuổi, ông đã nổi tiếng là thần đồng của tỉnh Sơn Tây.

Tản Đà không thành đạt trên đường khoa bảng, thất bại trong tình yêu đã làm ảnh hưởng suốt cuộc đời của thi nhân, đôi khi ông sống với mộng tưởng, phần uất chua cay, tư tưởng ngông cuồng và yếm thế... Về đường văn học Tản Đà là nhà thơ thuộc phái cựu học như Phan Khôi, nhưng Phan Khôi với "Tình Già" đã mở màn cho phong trào thơ mới lãng mạn, sáng tạo và mạnh dạn vượt ra ngoài khuôn sáo cũ, đó là thời điểm quốc ngữ còn phôi thai, bắt đầu chuyển mình thay đổi nhanh chóng phổ biến rộng rãi trên báo chí bằng thơ và văn xuôi. Tản Đà giữ một địa vị quan trọng là nhịp cầu nối liền giữa hai nền văn học cổ điển và hiện đại đóng góp cho nền văn học quốc ngữ Việt Nam phát triển mạnh. (về thơ mới trên Đông Dương Tạp Chí số 40 năm 1914 Nguyễn Văn Vĩnh dịch thơ ngụ ngôn "Con ve sầu và Con kiến" của La Fontaine không theo cách của lối thơ cũ, nhưng phải chờ tới Phan Khôi, thơ mới dần dần lớn mạnh)

Con đường sự nghiệp

Năm 1909 (Kỷ Dậu) Tân Đà dự kỳ thi Hương ở Nam Định bị rớt. Ông về nhà ở Phủ Vĩnh Tường tiếp tục dùi mài kinh sử. Trong thời gian này, ông yêu cô gái họ Đỗ ở phố hàng Bò. Nếu thi đậu thì vinh quy bái tổ “võng anh đi trước võng nàng theo sau”, Nhưng 3 năm sau (1912) dự kỳ thi Hậu bổ bị rớt vì môn vấn đáp bằng tiếng Pháp, mùa thu năm ấy ông lại đi thi Hương cũng thất bại và chuyện tình tan vỡ, người yêu đi lấy chồng.

Ông thất tình chán nản bỏ về Hòa Bình vào dãy Hương Sơn trên ngọn Chùa Tiên, đêm ngày uống rượu, làm thơ, đọc sách, thường trăng, sống theo lối "tịch cốc". Trong thời gian này ông đọc Tân thư, sách của K'ang yu Wei / Khang Hữu Vi (1858-1927) và Liang Ch'i ch'ao / Lương Khải Siêu 1873-1929) về cuộc Cách mạng Tân Hợi năm 1911 do Tôn Dật Tiên / Sun Yat-Sen (1886-1925) khởi xướng lật đổ triều đại Mãn Thanh. Tân Đà còn được người anh rể Nguyễn Thiện Kế diu dắt vào con đường văn chương. Nguyễn Thiện Kế từng làm tri huyện Tùng Thiện và Phúc Thọ của xứ Đoài, vốn là một nhà thơ trào phúng nổi tiếng đương thời, lại là người chịu ảnh hưởng sâu sắc của phong trào yêu nước và cách mạng đầu thế kỷ 20, thường làm thơ đả kích tảo bạo bọn quan lại tay sai cho thực dân Pháp.

Năm 1913, anh cả Nguyễn Tài Tích qua đời. Tân Đà về Vĩnh Phú làm nghề báo, đầu tiên ông cộng tác với Đông Dương tạp chí của Nguyễn Văn Vĩnh (1882-1936) phụ trách mục "Một lối văn nôm". Đến năm 1915, ông lập gia đình với bà Nguyễn Thị Tùng, con gái một tri huyện ở Hà Đông. Cũng năm này ông có tác phẩm hay, đăng trên "Đông Dương tạp chí", nhanh chóng có được tiếng vang trên văn đàn. Đông Dương tạp chí phát hành từ năm (1913-1916) do Nguyễn Văn Vĩnh làm chủ bút, nhằm truyền bá nền giáo dục bách khoa phổ thông theo văn minh Tây Phương, phát triển chữ quốc ngữ nâng cao dân trí... số đầu tiên xuất bản vào ngày thứ 5 ngày 15.05.1913 hoạt động được 4 năm. Năm 1916 Nguyễn Khắc Hiếu lấy bút hiệu Tân Đà là tên ghép giữa núi Tân, sông Đà, và chính thức chọn con đường của một người viết văn, làm báo chuyên nghiệp dùng ngòi bút mưu sinh.

*Phận nam nhi tang bồng là chí,
Chữ trượng phu ý khí như rồng ai.
Non sông thề với hai vai,
Quyết đem bút sắt mà mài lòng son.*

Cuộc đời Tân Đà với những mối tình đầu trong trắng đằm mê một thời, đã vỗ cánh bay cao, để lại Tân Đà những thương tiếc băng quơ. Từ sự tan vỡ đó đã mang lại cho ông đau khổ khôn nguôi, cảm xúc đã làm nên những vần thơ trữ tình

*Vì ai cho tớ phải lênh đênh
Nặng lắm ai ơi, một gánh tình"*

*Mình ơi có nhớ ta chăng?
Nhớ mình đứng tựa ánh trăng ta sầu.*

*Duyên hò thắm bỗng rụng phai lạt,
Mối tơ vương đứt nát tan thành,*

*Tám riêng, riêng những thẹn mình,
Giữa đường buồn đứt gánh tình như không!*

*Suối tuôn róc rách ngang đèo,
Gió thu bay lá bóng chiều về tây
Chung quanh những lá cùng cây,
Biết người tri kỷ đâu đây mà tìm...
(Vô đề)*

Mùa thu là mùa của thi ca lãng mạn, các thi nhân thường chọn mùa thu làm thơ soạn nhạc, mùa thu là một xúc tác cho họ trở về với đời sống thiên nhiên, ca ngợi và vẽ thành những bức tranh tuyệt mỹ...

*Làn cây khuất bóng trăng tà,
Đêm thu một khắc quan hà mấy mươi
Nhớ ai đất khách quê người,
Nhớ ai góc bể bên trời bơ vơ.
(Nhớ ai)*

Bàn tay con người làm sao giữ được thời gian, thời gian trôi qua lặng lẽ như một giấc mơ. Để rồi tất cả trở thành một quá khứ xa khơi, ngõ ngàng vụt mất. Ông sáng tác rất nhiều thơ với nhiều thể loại, thường diễn tả cảm giác say sưa, chán ngán cuộc đời...đắm chìm trong cõi mộng với mối tình cùng người tri kỷ năm xưa.

*Đêm thu buồn lắm chị Hằng ơi!
Trần thế em nay chán nửa rồi...*

*Trận gió thu phong rụng lá vàng
Lá rơi hàng xóm, lá bay sang
Vàng bay mấy lá năm già nửa
Hờ hững ai xui thiếp phụ chàng?*

Những mối tình chắp cánh của Thi Nhân đã để lại cho chúng ta một thi tài Tản Đà, mở màn cho trào lưu lãng mạn sau này (phong trào thơ mới), với những bài thơ ghi dấu sự chuyển giao giữa hai thời đại.

*Giấc mộng mười năm đã tỉnh rồi.
Tỉnh rồi lại muốn mộng mà chơi.
Nghĩ đời lắm nỗi không bằng mộng.
Tiếc mộng bao nhiêu lại ngán đời.
Những lúc canh gà ba cốc rượu.
Vài khi cánh điệp bốn phương trời.
Tìm đâu cho thấy người trong mộng.
Mộng cũ mê đường biết hỏi ai?
(Giấc mộng con).*

Tản Đà ảnh hưởng Nho học từ thuở ấu thơ, nhưng thơ của ông ít dùng điển tích, văn chương của Tản Đà trong sáng giàu khả năng gợi cảm, ông có biệt tài dùng các hư từ điệp

từ, âm điệu tiết tấu rất gợi cảm. Bài Tống biệt hành: nào lá đào rải thảm đường đi, suối tiễn, oanh đưa, ngậm ngùi, bước trần ai, đá mòn, rêu nhạt, nước chảy bao trùm cả không gian và thời gian... nổi bật tràn đầy tình cảm trong sáng, phối hợp âm sắc, tiết tấu diễn tả bước chân ngậm ngừ của cảnh trần tục và tiên cảnh chia ly

*Lá đào rơi rắc lối Thiên thai.
Suối tiễn oanh đưa những ngậm ngùi.
Nửa năm tiên cảnh.
Một bước trần ai.
Ước cũ duyên thừa, có thể thôi!
Đá mòn, rêu nhạt.
Nước chảy, huê trôi.
Cái hạc bay lên vút tận trời!
Trời đất từ nay xa cách mãi.
Cửa động,
Đầu non,
Đường lối cũ,
Nghìn năm thơ thần bóng trắng chơi
Tống biệt hành*

Cuộc đời Tản Đà thất bại về công danh và tình yêu, nên bản tính trở thành ngông, yếm thế. Nghèo nhưng lúc có tiền thì thích phong lưu ăn nhậu, say sưa dù cái say vì nhân thế, vì cảnh đời. Nhưng đã nói say thì không thể kiềm chế được tư cách con người.

*Cảnh đời gió gió, mưa mưa,
Buồn trông ta phải say sưa đỡ buồn
Rượu say ta lại khơi nguồn
Nên thơ rượu cũng thêm ngon giọng tình
Rượu thơ mình lại với mình,
Khi say quên cả cái đỉnh phù du
Trăm năm thi sĩ tửu đồ là ai?
(Thơ rượu).*

Tản Đà hờ hững với công danh, chấp nhận số phận sống với đời trong niềm vui thơ và rượu, hai thứ đó có thể là một giải thoát con người ra khỏi vòng tục lụy?

*Say sưa nghĩ cũng hư đời,
Hư thì hư vậy, say thì cứ say.
Đất say đất cũng lẫn quay,
Trời say mặt cũng đỏ gay, ai cười?
Say chẳng biết phen này là mấy,
Nhìn non xanh chẳng thấy lại là say
Quái! Say sao? Say mãi thế này?
Say suốt cả đêm ngày như bất tỉnh,*

*Thê ngôn túy tửu chân vô ích.
Ngã dục tiêu sâu thả tự do.
Việc trần ai, ai tỉnh, ai lo,
Say lúy túy nhỏ to đều bất kể.
Trời đày nhì! Cái say là sướng thế!
Vợ khuyên chồng, ai dễ đã chừa ngay,
Muốn say lại cứ mà say.
(Lại say)*

Nếu con người sống theo chủ nghĩa khoái lạc, ăn uống nhậu nhẹt say sưa suốt đời sẽ không giúp ích được gì cho xã hội, bị người ta chán ghét khinh rẽ, nhưng Tản Đà say rượu với thơ văn, giọng châm biếm chua cay, tố giác bọn quan lại tham nhũng hối lộ của dân nghèo. Cảm đề của Tản Đà thời ấy với ngày nay vẫn còn giá trị đối với văn học và lịch sử. Thế kỷ 21 nhưng vẫn nạn tham nhũng, hối lộ, bán nước của đảng CSVN chưa chấm dứt ...

*Hơi đồng đã sạch mồm ông lớn
Mặt sắt còn bìa miệng thế gian
Cũng bởi thằng dân ngu quá lộn
Cho nên quan nó dễ làm quan
Cũng phùng dối nước quân ăn cắp
Cũng lũ tàn dân giống hại dân
Lạnh lẽo hơi sương tòa Tạc chí
Lệ ai giàn giụa với giang sơn
Cảm đề*

Tổ tiên của dân tộc Việt Nam đã bỏ xương máu, dựng nước và giữ nước, mở mang bờ cõi qua các triều đại Đinh-Lê-Lý-Trần-Nguyễn chống lại các triều đại phong kiến Trung Hoa giành độc lập sau một ngàn năm Bắc thuộc, nhưng không thoát khỏi cảnh gần 100 năm bị thực dân Pháp đô hộ. Tản Đà cũng như mọi người đau lòng trước hoàn cảnh đất nước mất chủ quyền, dù sống trên giang sơn gấm vóc Việt Nam nhưng làm người dân nô lệ. Vịnh Bức Dư Đồ Rách in lần đầu năm 1921, trong tập thơ Còn Chơi. Đến năm 1925 được tuyển chọn in trong tập Thơ Tản Đà, nói lên tâm trạng, hoàn cảnh nước nhà trong giai đoạn suy vong, cương thường đạo nghĩa nghìn xưa đảo lộn, bọn tay sai tiếp tay với thực dân ăn hại của dân.

*Nọ bức dư đồ thử đứng coi,
Sông sông núi núi khéo bìa cười,
Biết bao lúc mới công vờn vẽ,
Sao đến bây giờ rách tả tơi?
Ấy trước ông cha mua để lại,
Mà sau con cháu lấy làm chơi!
Thôi thôi có trách chi đàn trẻ,
Thôi để rồi ta sẽ liệu bồi!*

Đất nước Việt Nam độc lập, nhưng bị bọn bành trướng Trung cộng xâm chiếm biên giới,

lãnh hải. Ngư dân bị bọn cướp biển bắn giết, lợi dụng đêm đen dùng tàu lớn ủi chìm tàu đánh cá, tàu câu mực của ngư dân Việt Nam. Cũng như dư luận ồn ào trong và ngoài nước về vấn đề khai thác Bauxite ở Tây nguyên làm ảnh hưởng môi trường và an ninh quốc gia. Bức dư đồ này ai sẽ chịu trách nhiệm bồi lại?

Trong sự nghiệp sáng tác thơ văn Tần Đà, ông còn là một thiên tài dịch thơ Đường. Những bài thơ lục bát không bị gò bó mà chuyển tải cả tâm hồn mình vào thơ, được nhiều nhà phê bình văn học như Phạm Văn Diêu cho là *hay hơn các bản dịch khác*.

Hai câu kết của bài Hoàng hạc lâu :
Nhật mộ hương quan hà xứ thị
Yên ba giang thượng sử nhân sầu

Tần Đà không dịch chữ sử nghĩa là “xui khiến”, nhưng dịch là “cho” rất hay

Quê hương khuất bóng hoàng hôn,
Trên sông khói sóng (xui) cho buồn lòng ai

Tần Đà ảnh hưởng bà Chúa thơ Nôm Hồ Xuân Hương

Ngồi buồn nhớ chị Xuân Hương
Hồn thơ còn hấy như nương trêu ai....
Đã trót hở hang khôn khép lại
Lại còn e nổi chị em ghen
Hoa sen nở trong đầm

Hay vịnh cảnh đi chơi chùa

Nước tuôn ngòi biếc trong trong vắt
Đá hòm hang đen tối tối mờ
Chón ấy muốn chơi con mỗi gối
Phàm trần chưa biết nhấn nhe cho
Chơi chùa Hương Tích

Làm báo

Sự nghiệp làm báo của Tần Đà luôn gặp khó khăn! Từ “Đông Dương tạp Chí” đình bản, Tần Đà viết cho tờ *Nam phong* do Phạm Quỳnh làm chủ bút (1917-1932). Phạm Quỳnh ca ngợi *Khối Tinh Con* nhưng phê bình nặng tác phẩm *Giấc mộng con*. Tần Đà bỏ *Nam Phong* không cộng tác tiếp. Năm 1921 Tần Đà làm chủ bút tạp chí *Hữu thanh*, nhưng đến năm 1926 báo đình bản. Năm 1922 ông lập “Tần Đà thư điểm” sau đổi lại “*Tần Đà thư cục*” với nhà xuất bản riêng này Tần Đà đã xuất bản và tái bản những tác phẩm của ông, ngoài ra còn cho xuất bản sách của Ngô Tất Tố...

Tản Đà thích sống với mộng, không có kinh nghiệm làm báo, như một cái nghiệp dĩ đeo đuổi, chưa dứt được ... An Nam tạp chí (1926-1933) phát hành lần đầu ngày 01.7.1926 Tản Đà làm chủ bút, Ngô Tất Tố thư ký tòa soạn. Tờ An Nam đóng góp tích cực vào sự phát triển văn học thời cận đại, thể hiện tinh thần yêu nước qua các bài tiểu luận. Nhưng báo luôn gặp khó khăn về tài chánh đã trải qua ba lần đình bản, chỉ được 48 số vĩnh viễn ngưng hoạt động Tản Đà đã than thở

*Tội nặng nhất trần gian
Là bắt anh Khắc Hiếu
Làm tạp chí "An Nam"*

Tản Đà vào Gia đình viết cho báo *Thần chung và Đông Pháp* thời báo của ông Diệp văn Kỳ. Giấc mộng lớn, nhỏ đều bay vào hư không, nên Tản Đà phải sống với nghề dịch thơ Đường cho báo *Ngày nay*, chú thích truyện Kiều, dịch *Liêu trai chí dị* cho nhà xuất bản Tân Dân. Năm 1931-1932 Tản Đà bút chiến với nhà văn Phan Khôi (1887-1960) về luận lý Tống Nho, ông đòi đem Phan Khôi ra Văn Miếu quất roi vào đít. Đối với phong trào thơ mới đang lên, các tờ báo mới như Phong Hoá của nhóm Tự Lực Văn Đoàn, đem Tản Đà ra phê bình gây nhiều tranh cãi giữa phe cựu học và tân học. Vào giai đoạn cựu học lùi vào bóng tối lãng quên, Tản Đà mở trường dạy chữ Hán không có người theo học, mở phòng xem bói cũng vắng khách, đời sống vất vả, không đủ tiền trả tiền thuê nhà. Ông phải tự trách mình

*Khi làm chủ báo, lúc viết mướn
Hai chục năm dư cảnh khôn cùng
Trần gian thước đất vẫn không có
Bút sắt chẳng hơn gì bút long
Ngày xuân như ngựa, đầu xanh bạc
Chán cả giang hồ hết cả nông
(Tiền ông công lên trời)*

hay

*Trời sinh ra bác Tản Đà
Quê hương thời có cửa nhà thì không
Nửa đời nam, bắc, tây, đông
Bạn bè sum họp vợ chồng biệt ly
Túi thơ đeo khắp ba kỳ
Lạ chi rừng biển, thiếu gì gió trăng..
(thú ăn chơi)*

*Tết đến năm nay nghĩ cũng buồn
Tiền thì không có nợ đòi luôn
(Tết than việc nhà)*

Cuộc đời không phải luôn bình yên hay đẹp như mộng, Tản Đà trải qua nhiều giai đoạn khó khăn từ tinh thần đến vật chất. Theo lời kể lại người con trưởng của Tản Đà là Nguyễn Khắc Xương ở Phú thọ nay đã hơn 85 tuổi, đã tập hợp biên soạn những tác phẩm của thân phụ:

“lúc ông 17 tuổi thì nhà thơ Tản Đà mất, để lại 7 người con 4 trai và 3 gái với cảnh nghèo trong nhà không đầy 2 kilo gạo và 10\$ lẻ!”

Nhưng đến lúc xuôi tay về bên kia thế giới, thì những người trước đây phê bình chỉ trích Tản Đà rất nặng lời đã viết những loạt bài tưởng niệm và thương tiếc nhưng đã muộn màng !! Qua những bài học của người xưa chúng ta thấy điều quan trọng nhất con người sống với nhau cần phải có cái TỬ TÂM, nên đối xử với nhau tốt đẹp, vì theo luật tạo hoá tất cả sẽ trở về với cát bụi hư vô.

Tác phẩm của Tản Đà được xuất bản, tiểu thuyết và luận thuyết

Thề non nước

Trần ai tri kỷ (1932)

Giấc mộng lớn. Giấc mộng con (1916)

Giấc mộng con II (1932)

Tản Đà luận văn, Tản Đà văn tập (1932)

Tản Đà xuân sắc (1934)

Khối tình con (1918)

Giáo khoa: Lên sáu(1919), Lên tám(1920), Đài gương truyện, Quốc sử huấn mông,(1924) Đàn bà Tàu (dịch liệt nữ truyện) , Còn chơi (1921)

Tuồng chèo: Tây Thi, Tỳ bà Hành, Lưu Nguyễn nhập Thiên Thai

Dịch thuật. Đại học, Đường Thi, Liêu Trai Chí Dị

Khảo cứu Truyện Kiều chú giải

Thơ văn Tản Đà trước 1975 đã đưa vào chương trình giáo dục Đại Học Văn Khoa và Trung học của miền Nam tự do. Tản Đà đã đóng góp vào kho tàng văn chương Việt Nam thật phong phú, thơ Tản Đà phác họa cái đẹp lãng mạn đa tình, hoà hợp giữa thiên nhiên màu sắc, âm thanh và cảm xúc, là những đóa hoa rực rỡ hương sắc, dù thời gian trôi qua không dừng lại nhưng hương sắc thơ Tản Đà không bao giờ phai tàn trong văn học Việt Nam. Thơ Tản Đà luôn bày tỏ nỗi niềm ưu ái đối với quốc gia và dân tộc.

Tài liệu tham khảo

Việt Nam Thi Nhân tiền Chiến của Nguyễn Tấn Long

Tự điển Nhân vật lịch sử Việt Nam của Nguyễn Quyết Thắng NXB Văn hoá

Thơ Tản Đà những lời bình luận NXB văn hoá Thông tin 2003

¹ Ngày sinh của Tản Đà nhiều tài liệu khác viết ông sinh năm 1889 (?)